UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119 /KH-UBND	*Rạch Giá, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Rạch Giá giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Rạch Giá lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Căn cứ Thông báo số 18-TB/VP ngày 22/10/2020 củaThành ủy Rạch Giá về việc kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng các kế hoạch chuyên đề, đề án trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ thành phố, nhiệm kỳ 2021-2025.

UBND thành phố xây dựng Kế hoạch Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Rạch Giá giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Thành phố Rạch Giá là trung tâm văn hóa chính trị, kinh tế của tỉnh Kiên Giang, Thành phố có diện tích tự nhiên là 10.361,47 ha, dân số là 227.527 người (thống kê năm 2019); địa giới hành chính gồm 11 phường và 01 xã. Những năm qua được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Kiên Giang, thành phố Rạch Giá không ngừng phát triển và được công nhận là đô thị loại II vào năm 2014. Nhìn chung với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng mục tiêu chung theo kế hoạch đề ra.

Công tác quy hoạch đô thị tiếp tục được quan tâm chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng giai đoạn. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng kỹ thuật đô thị. Cảnh quan đô thị và vệ sinh môi trường của thành phố từng bước được cải thiện, chất lượng đời sống người dân không ngừng được nâng cao, tạo động lực thu hút đầu tư phát triển. Nhiều công trình kiến trúc và trung tâm sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm đầu tư, tạo ra những không gian đô thị theo hướng hiện đại, văn minh. Các dự án khu đô thị, khu nhà ở và hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư đồng bộ, tạo nên bộ mặt khang trang của đô thị, đem lại nhiều tiện ích cho người dân.

Quy hoạch chung xây dựng thành phố Rạch Giá đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt năm 2008, và được điều chỉnh cục bộ vào năm 2019. Hiện nay, Thành phố cũng đang tiến hành rà soát tổng thể để điều chỉnh cho phù hợp với tốc độ phát triển của đô thị, đến nay đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 và đến nay, đang phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung trình Sở xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt vào cuối năm 2021.

Đối với đồ án Quy hoạch phân khu đô thị đã cơ bản phủ kín được các phường nội ô của thành phố, các đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/1000 và 1/2000 của 11 phường, được phê duyệt với tổng diện tích là 4.632,74/6.165,95 ha, đạt 75,13% diện tích *(trừ diện tích xã Phi Thông 4.515ha, đã được UBND thành phố Rạch Giá phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 30/12/2011).*

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, việc phủ kín quy hoạch đô thị còn những hạn chế nhất định: Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đạt tỷ lệ còn thấp (đến nay mới đạt được 37,9%). Do công tác kêu gọi đầu tư các dự án còn chậm; vốn ngân sách bố trí cho công tác quy hoạch hàng năm quá ít so với nhu cầu; năng lực chuyên môn của các đơn vị tư vấn lập quy hoạch trong tỉnh còn hạn chế,...Việc chỉnh trang, phát triển đô thị ở một số phường còn chậm, có mặt chưa tốt; một số dự án khu dân cư triển khai chậm do vướng mặt bằng thi công, một số nơi còn xảy ra tình trạng người dân tự phân lô đất ở và xây dựng nhà ở, tình trạng xây dựng không phép, sai phép còn diễn ra, nhiều nhất là khu vực vùng ven đô thị.

II. MỤC TIÊU,YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, và tạo điều kiện cho việc thu hút nhiều nguồn lực đầu tư vào thành phố.

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, sử dụng đất hiệu quả và kêu gọi đầu tư các dự án.

- Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị.

- Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, quản lý kiến trúc, cảnh quan của các khu đất, mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trong khu vực đô thị.

- Làm cơ sở phát triển đô thị như: Kết nối hệ thống hạ tầng từ khu ở này sang khu ở khác nghiên cứu mở rộng các hẻm hiện hữu; nâng cấp đô thị; quản lý xây dựng và sử dụng đất có hiệu quả.

- Phủ kín quy hoạch phân khu của các phường, tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn thành phố đạt trên 80%; Quy hoạch chi tiết của các phường, tỷ lệ 1/500 đạt trên 55%, riêng đối với các phường trung tâm (trừ các phường Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thông) có Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 đạt trên 80%.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với mục tiêu của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; bảo đảm tính thống nhất với quy hoạch chung của thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch và kết hợp hài hoà giữa lợi ích cộng đồng, cá nhân.

- Cải thiện cảnh quan, bảo tồn các di tích văn hoá, lịch sử và nét đặc trưng của thành phố. Bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm; phát triển hài hoà giữa các khu vực trong đô thị.

- Tạo động lực phát triển các dự án khu dân cư và nhà ở, công trình y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, công viên, cây xanh, mặt nước và công trình hạ tầng xã hội khác.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm hệ thống giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm sự kết nối, thống nhất đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật về quản lý quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công bố công khai về công tác quản lý quy hoạch xây dựng đã được duyệt trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện nghiêm túc việc công bố công khai (kể cả trên cổng thông tin điện tử) các đồ án quy hoạch đã phê duyệt cho mọi người dân được biết để hiểu và thực hiện. Cơ quan quản lý quy hoạch phải có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch theo đúng quy định.

- Hoàn chỉnh và phổ biến hệ thống phần mềm quản lý quy hoạch (GIS), nhằm phục vụ tốt công tác quản lý quy hoạch và hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố truy cập sử dụng và quản lý, khai thác theo phân cấp thẩm quyền.

2. Tăng cường kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch của các phường trên địa bàn thành phố

2.1. Rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đã phê duyệt

- Phối hợp với Sở xây dựng rà soát điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Rạch Giá đến năm 2040, để làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch phân khu, lập mới quy hoạch chi tiết đô thị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch phân khu đến thời hạn theo luật định, nhằm xem xét điều chỉnh cho phù hợp hiện trạng sử dụng và nhu cầu phát triển đô thị, làm cơ sở để lập mới các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị.

- Đẩy nhanh tiến độ lập điều chỉnh quy hoạch đối với các đồ án quy hoạch các phường trung tâm có hiện trạng cơ sở hạ tầng tương đối ổn định, có nhu cầu quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng. Đồng thời, đề xuất điều chỉnh các khu vực cần chỉnh trang đô thị, phát triển khu đô thị mới, nhằm tạo điều kiện tốt để lập đồ án quy hoạch chi tiết cho kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư dự án.

2.2. Đề xuất lập mới các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị (tỷ lệ 1/500)

- Đề xuất lập mới các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị của các phường trung tâm có hiện trạng cơ sở hạ tầng tương đối ổn định, có nhu cầu quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, đảm bảo công tác quản lý đô thị đi vào nề nếp, rõ ràng, minh bạch. Đáp ứng yêu cầu chỉnh trang, phát triển lâu dài của đô thị.

- Đồng thời, lựa chọn một số khu vực để lập các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị ở cho phường vùng ven đô thị, tỷ lệ đất nông nghiệp còn lớn, thuận lợi trong công tác giải toả, bồi thường và bố trí tái định cư, thu hồi đất chỉnh trang, dễ dàng trong lập dự án các khu dân cư, các khu đô thị mới và thuận lợi cho việc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư.

- Chỉ đạo cơ quan tham mưu trong công tác lập quy hoạch thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các chủ đầu tư dự án, các đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết đẩy nhanh tiến độ lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch.

- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan ban ngành đoàn thể và cộng đồng dân cư trước khi thẩm định và phê duyệt quy hoạch, đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ thành phần; Sau khi phê duyệt đồ án phải tổ chức công bố công khai, minh bạch và niêm yết tại địa phương theo đúng quy định pháp luật.

- Lập kế hoạch và lộ trình cụ thể hàng năm để đề xuất tỉnh bố trí nguồn kinh phí cho công tác lập quy hoạch, đảm bảo được tiến độ thực hiện, tạo điều kiện hoàn thành nhanh chóng các đồ án.

3. Nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị

- Lập đồ án quy hoạch xây dựng phải là một nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện trong chương trình phát triển kinh - tế xã hội hàng năm của thành phố.

- Bảo đảm tính đồng bộ trong việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch giữa quy hoạch xây dựng với các quy hoạch chuyên ngành trên cùng một địa

bàn; bảo đảm sự phối hợp tốt, có tính thống nhất cao, làm cơ sở cho việc lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng sau này.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và số lượng cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ thẩm định, quản lý quy hoạch.

- Ưu tiên bố trí vốn theo đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu của công tác quy hoạch, bảo đảm các khâu lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch được triển khai thực hiện và hoàn thành theo tiến độ.

- Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch chuyên nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch; kiện toàn Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng và sắp xếp hợp lý các cơ quan, cán bộ chuyên môn làm công tác thẩm định nhiệm vụ, thẩm định quy hoạch xây dựng.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

- Thành lập Ban chỉ đạo, tổ soạn thảo xây dựng Kế hoạch và đề án, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; kiện toàn Hội đồng thẩm định các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của thành phố.

- Rà soát, phân khai danh mục, thứ tự ưu tiên thực hiện quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và đề xuất bố trí vốn. *(có bảng tổng hợp danh mục và thời gian thực hiện cụ thể kèm theo)*

- Đề xuất đơn vị tư vấn đủ điều kiện lập nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ khảo sát.

- Giao cơ quan chuyên môn thực hiện lập kế hoạch đấu thầu lựa chọn đơn tư vấn lập đồ án quy hoạch, sau khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

2. Kế hoạch thực hiện: phải bố trí đủ vốn để thực hiện.

*** Năm 2021 (chuyển tiếp qua năm 2022)**: 05 đồ án quy hoạch; 02 hoặc 03 đồ án thiết kế đô thị các trục đường chính, với tổng vốn là **13.440 triệu đồng** (*theo Phụ lục 01*).

- Ưu tiên đề xuất lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; nhiệm vụ khảo sát; xây dựng kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các dự án kêu gọi đầu tư và khu vực phường trung tâm cần chỉnh trang đô thị theo Phụ lục 01.

- Tổ chức họp thẩm định các đồ án quy hoạch đã lựa chọn được đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch.

- Định kỳ đề xuất danh mục bố trí vốn theo đúng tiến độ thực hiện.

*** Năm 2022 (chuyển tiếp qua năm 2023):** 15 đồ án đồ án quy hoạch; 02 hoặc 03 đồ án thiết kế đô thị các trục đường chính; chuẩn bị lập chương trình phát triển đô thị và đề án phát triển thành phố Rạch Giá lên đô thị loại 1, với tổng vốn là **56.170 triệu đồng** (*theo Phụ lục 02*).

- Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; nhiệm vụ khảo sát; xây dựng kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các phường hoặc các khu vực theo Phụ lục 02.

- Tổ chức họp thẩm định các đồ án quy hoạch đã lựa chọn được đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch; Tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; tổ chức công bố công khai và niêm yết các đồ án quy hoạch đã được duyệt.

- Tiếp tục đề xuất danh mục, bố trí vốn theo đúng tiến độ thực hiện. Năm 2022, dự kiến thực hiện 15 đồ án đồ án quy hoạch; 02 hoặc 03 đồ án thiết kế đô thị các trục đường chính; chuẩn bị lập chương trình phát triển đô thị và đề án phát triển thành phố Rạch Giá lên đô thị loại 1. Cuối năm 2022, đề xuất lựa chọn đơn vị tư vấn, tổ chức đấu thầu (nếu có) để xây dựng đề án phát triển nâng thành phố lên đô thị loại 1.

- Tổ chức sơ kết Kế hoạch vào năm 2023.

*** Năm 2023 (chuyển tiếp qua năm 2024):** 05 đồ án quy hoạch; 02 hoặc 03 đồ án thiết kế đô thị các trục đường chính, với tổng vốn là **18.350 triệu đồng** (*theo Phụ lục 03*).

- Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; nhiệm vụ khảo sát; xây dựng kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các phường hoặc các khu vực theo Phụ lục 03.

- Tổ chức họp thẩm định các đồ án quy hoạch đã lựa chọn được đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch; Tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, chương trình phát triển đô thị loại 1, tổ chức công bố công khai và niêm yết các đồ án quy hoạch đã được duyệt. Tổ chức thẩm định đề án phát triển nâng thành phố lên đô thị loại 1 để trình Chính Phủ;

- Tiếp tục đề xuất danh mục, bố trí vốn theo đúng tiến độ thực hiện. Năm 2023 thực hiện 05 đồ án quy hoạch; 02 hoặc 03 đồ án thiết kế đô thị các trục đường chính; Cuối năm 2023, đề xuất lựa chọn đơn vị tư vấn, tổ chức đấu thầu để tổ chức lập quy hoạch các đồ án trên.

*** Năm 2024 (chuyển tiếp qua năm 2025)**:

- Tiếp tục rà soát điều chỉnh hoặc lập mới các đồ án quy hoạch còn lại và đề xuất danh mục bố trí vốn, thanh toán quyết toán các đồ án hoàn thành.

- Tổng hợp các danh mục đồ án đã hoàn thành và phê duyệt, chuẩn bị công tác báo cáo tổng kết Kế hoạch vào cuối năm 2024 hoặc đầu năm 2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý đô thị thành phố chủ trì phối hợp với Ban Quản lý dự Đầu tư xây dựng thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố triển khai thực hiện các công việc được giao theo Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố chủ trì tham mưu cho UBND thành phố cân đối, bố trí vốn thực hiện theo tiến độ.

3. Ban Quản lý dự Đầu tư xây dựng thành phố thay mặt chủ đầu tư (UBND thành phố Rạch Giá) tổ chức lập quy hoạch, tham mưu xây dựng kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng theo hợp đồng đã được ký kết.

4. Các phòng, ban, phường xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phối hợp chặt chẽ chủ động thực hiện công việc được giao, cung cấp thông tin, số liệu có liên quan đến đơn vị mình, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

Trên đây là Kế hoạch phủ kín quy hoạch đô thị giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Rạch Giá./.

Nơi nhận:
- T/Trực Thành ủy (để b/c);
- CT và các PCT UBND TP;
- LĐVP; CVNC;
- Các phòng ban, đoàn thể TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ T. KIÊN GIANG

Nguyễn Văn Hôn

Người ký: Ủy ban nhân dân Thành phố Rạch Giá
Email: rachgia@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 15.09.2021 16:02:46 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000) VÀ ĐỀ XUẤT LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/500) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Đề xuất điều chỉnh các đồ án đã đến và quá hơn hạn định kỳ 05 năm theo Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, khái toán chi phí thực hiện theo Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị)

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND thành phố Rạch Giá về Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Rạch Giá giai đoạn 2021-2025

STT	TÊN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH (đã phê duyệt)	Tỷ lệ bản vẽ	Quyết định phê duyệt	Đề xuất rà soát và điều chỉnh	NỘI DUNG ĐỒ ÁN		Khái toán Vốn (triệu đồng)	Thời gian
					Quy mô (ha)	Đạt tỷ lệ (%)		
1	**Phường Vĩnh Quang**				**897,17**	**100,00**		
	Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Bắc Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 666.84 ha)	1/2000	QĐ số 2009/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHPK xây dựng Bắc Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng Bắc Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 666,84ha)**	666,84	74,33	7.500,0	2021 (kêu gọi đầu tư)
	Đồ án QHCT xây dựng Nam Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 99.37 ha)	1/1000	QĐ số 2898/QĐ-UBND ngày 16/11/2009 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án thành: **Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Nam Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 230,33ha)**	230,33	25,67	2.160,0	2021-2022
	Đồ án QHCT Bắc Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh (nay là phường Vĩnh Quang), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 130.96 ha)	1/1000	QĐ số 2545/QĐ-UB ngày 13/11/2001 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án thành: **Đồ án QH chi tiết xây dựng Nam Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 230,33ha)**			4.200,0	2022-2023
2	**Phường Vĩnh Thanh**				**115,20**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng Tây Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 45.2 ha)	1/1000	QĐ số 1819/QĐ-UBND ngày 06/11/2006 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án để thành: đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng phường Vĩnh Thanh, tỷ lệ 1/2000, và **lập QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Thanh, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 115,2ha)**	115,20	100,00	3.000,0	2022-2023
	Đồ án QHCT xây dựng Nam Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 70.0 ha)	1/1000	QĐ số 825/QĐ-UBND ngày 14/5/2007 của UBND tỉnh					
3	**Phường Vĩnh Thanh Vân**				**80,35**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 18.6 ha)	1/500	QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 04/3/2009 của UBND TPRG	**Lập đồ án QH phân khu xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 80,35ha)**			1.280,0	2022-2023

	Đồ án QHCT Khu 16 ha Hoa Biển, phường Vĩnh Thanh Vân, TXRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 16.0 ha)	1/500	QĐ số 2749/QĐ-UB ngày 29/8/1998 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, tỷ lệ 1/500 (quy mô 80,35ha)**	80,35	100,00	2.500,0	2022-2023
4	**Phường Vĩnh Bảo**				**118,29**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Bảo, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 63.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 234/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường Vĩnh Bảo, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 118,29ha)**	118,29	100,00	1.500,0	2022-2023
				Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Bảo, tỷ lệ 1/500 (quy mô 118,29ha)			3.000,0	2023-2024
5	**Phường Vĩnh Lạc**				**286,75**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Lạc, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 184.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường Vĩnh Lạc, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 286,75ha)**	286,75	100,00	2.400,0	2022-2023
				Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Lạc, tỷ lệ 1/500 (quy mô 286,75ha)			4.800,0	2023-2024
6	**Phường An Hòa**				**627,80**	**76,95**		
	Đồ án QHPK phường An Hoà (phần còn lại), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 149.323 ha)	1/2000	QĐ số 96/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường An Hoà (phần còn lại), tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 149,323ha)**	149,323	23,79	1.900,0	2022-2023
				Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường An Hoà (phần còn lại), tỷ lệ 1/500 (quy mô: 149,323ha)			3.500,0	2023-2024
	Đồ án QHCT xây dựng Trung Tâm phường An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 101.572 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1150/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án kể cả lấn biển để thành: **Lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Trung tâm phường An Hòa, tỷ lệ 1/2000** (quy mô: 333.76 ha, gồm: 101.57 + 163.77 + 68.42}	333,760	53,16	2.700,0	2021-2022
	Đồ án QHCT xây dựng Nam An Hoà, phường An Hòa, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 163.7685 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1737/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng Trung tâm phường An Hòa, tỷ lệ 1/500**			5.500,0	2022-2023
	Phường An Bình				**477,35**	**100,00**		

7	Đồ án QHCT xây dựng phường An Bình, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 477,35ha)	1/2000	Đã phê duyệt theo QĐ số 2599/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	Lập đồ án điều chỉnh cục bộ QH chi tiết xây dựng phường An Bình, tỷ lệ 1/2000 và **lập QH chi tiết xây dựng đồ án, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 477,35ha)**	477,35	100,00	6.500,0	2022-2023
8	**Phường Rạch Sỏi**				**356,30**	100,00		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Rạch Sỏi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 341.3ha)	1/2000	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 341,3ha) và **Lập đồ án QH chi tiết xây dựng trung tâm phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/500**	205,30	57,62	3.160,0	2022-2023
				Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 341,3ha) và **Lập đồ án QHCT khu phố 7, p. Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/500**	151,00	42,38	3.500,0	2021-2022
9	**Phường Vĩnh Lợi**				**355,40**	**89,64**		
	Đồ án QHCT xây dựng trung tâm phường Vĩnh Lợi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 107.04ha)	1/2000	QĐ số 1397/QĐ-UBND ngày 03/8/2007 của UBND tỉnh	**Nhập 2 đồ án thành: Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng phường Vĩnh Lợi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 211,54ha)** ***{trừ diện tích sân bay}***	107,04	30,12	2.200,0	2022-2023
	Đồ án QHPK Phía Đông Nam phường Vĩnh Lợi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 104.5ha)	1/2000	QĐ số 583/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND thành phố	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Lợi, tỷ lệ 1/500 (quy mô 211,54ha) {trừ diện tích sân bay}**	211,54	59,52	4.650,0	2022-2023 (kêu gọi đầu tư)
10	**Phường Vĩnh Hiệp**				**1067,84**	**73,94**		
	Đồ án QH phân khu Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 614.38ha)	1/2000	QĐ số 2897/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu xây dựng Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 311,57ha)**	311,57	29,18	3.580,0	2021-2022 (kêu gọi đầu tư)
				Điều chỉnh cục bộ QHPK xây dựng Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng Khu đô thị mới đông bắc Vĩnh Hiệp (kế cụm công nghiệp Vĩnh Hiệp), phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 70ha)**	70,00	6,56	1.800,0	2022-2023 (kêu gọi đầu tư)

	Đồ án QHCT Khu công viên sinh thái phía Đông bắc TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 240.0 ha)	1/2000	Nhiệm vụ QH: QĐ số 1367/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH phân khu xây dựng phường Vĩnh Hiệp (phần còn lại) tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 408,0ha)**	408,00	38,21	2.580,0	2022-2023
11	**Phường Vĩnh Thông**				**1386,60**	100,00		
	Đồ án QH phân khu Phía Đông Bắc phường Vĩnh Thông, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 546.77 ha)	1/2000	QĐ số 584/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND thành phố	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu xây dựng Phía Đông Bắc phường Vĩnh Thông, và **Lập đồ án QH chi tiết xây dựng Trung tâm phường Vĩnh Thông (quy mô 546,77ha), tỷ lệ 1/500**	546,77	39,43	7.000,0	2022-2023 (kêu gọi đầu tư)
				Lập đồ án điều chỉnh và mở rộng QH phân khu xây dựng Phía Bắc phường Vĩnh Thông, tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 1075.0ha) {***toàn bộ diện tích phía Bắc phường Vĩnh Thông***}	1075,00	77,53	3.580,0	2023-2024 (kêu gọi đầu tư)
	Đồ án QH phân khu Phía Đông Nam phường Vĩnh Thông, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 311.6 ha)	1/2000		**Đề xuất lập mới**	311,60	22,47	1.970,0	2023-2024
13	Thiết kế đô thị cho các trục đường chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá						5.000,0	2021-2024
14	Chương trình phát triển đô thị loại I						2.000,0	2022-2023
15	Đề án phát triển thành phố Rạch Giá thành đô thị loại I						2.000,0	2022-2023
	TỔNG CỘNG						87.960,0	

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000) VÀ ĐỀ XUẤT LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/500) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ GIAI ĐOẠN 2021 - 2022

(Đề xuất điều chỉnh các đồ án đã đến và quá thời hạn định kỳ 05 năm theo Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, khái toán chi phí Ban hành kèm theo Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 15./9./2021 của UBND thành phố Rạch Giá về Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố

STT	TÊN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH (đã phê duyệt)	Tỷ lệ bản vẽ	Quyết định phê duyệt	Đề xuất rà soát và điều chỉnh	NỘI DUNG ĐỒ ÁN		Khái toán Vốn (triệu đồng)	Ghi chú
					Quy mô (ha)	Đạt tỷ lệ (%)		
	Phường Vĩnh Quang				**897,17**	**100,00**		
1	Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Bắc Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 666.84 ha)	1/2000	QĐ số 2009/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHPK xây dựng Bắc Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng Bắc Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 666,84ha)**	666,84	74,33	7.500,0	2021 (kêu gọi đầu tư)
	Đồ án QHCT xây dựng Nam Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 99.37 ha)	1/1000	QĐ số 2898/QĐ-UBND ngày 16/11/2009 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án thành: **Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Nam Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 230,33ha)**	230,33	25,67	2.160,0	
	Đồ án QHCT Bắc Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh (nay là phường Vĩnh Quang), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 130.96ha)	1/1000	QĐ số 2545/QĐ-UB ngày 13/11/2001 của UBND tỉnh					
	Phường An Hòa				**627,80**	**53,16**		

2	Đồ án QHCT xây dựng Trung Tâm phường An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 101.572 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1150/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án kể cả lấn biển để thành: **Lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Trung tâm phường An Hòa, tỷ lệ 1/2000** (quy mô: 333.76 ha, gồm: 101.57 + 163.77 + 68.42}	333,760	53,16	2.700,0	
	Đồ án QHCT xây dựng Nam An Hoà, phường An Hòa, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 163.7685ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1737/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 của UBND tỉnh					
3	**Phường Rạch Sỏi**				**341,30**	100,00		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Rạch Sỏi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 341.3ha)	1/2000	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 341,3ha) và **Lập đồ án QHCT khu phố 7, p. Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/500**	151,00	42,38	3.500,0	
4	**Phường Vĩnh Hiệp**				**1067,84**	**29,18**		
	Đồ án QH phân khu Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 614.38ha)	1/2000	QĐ số 2897/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu xây dựng Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 311,57ha)**	311,57	29,18	3.580,0	

5	Thiết kế đô thị cho các trục đường chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá						1.500,0	
	TỔNG CỘNG						**13.440,0**	

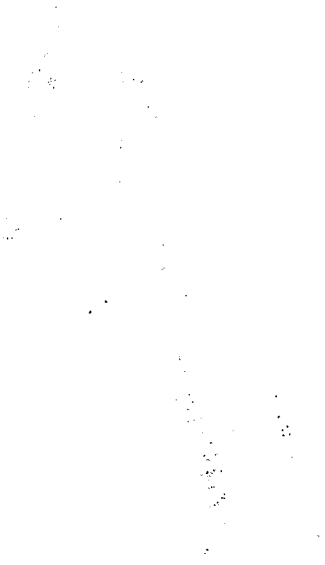

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000) VÀ ĐỀ XUẤT LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/500) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ GIAI ĐOẠN 2022 - 2023

(Đề xuất điều chỉnh các đồ án đã đến và quá thời hạn định kỳ 05 năm theo Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, khái toán chi

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND thành phố Rạch Giá về Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành

STT	TÊN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH (đã phê duyệt)	Tỷ lệ bản vẽ	Quyết định phê duyệt	Đề xuất rà soát và điều chỉnh	NỘI DUNG ĐỒ ÁN		Khái toán Vốn (triệu đồng)	Ghi chú
					Quy mô (ha)	Đạt tỷ lệ (%)		
1	**Phường Vĩnh Quang**				**897,17**	**25,67**		
	Đồ án QHCT xây dựng Nam Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 99.37 ha)	1/1000	QĐ số 2898/QĐ-UBND ngày 16/11/2009 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án thành: **Đồ án QH chi tiết xây dựng Nam Vĩnh Quang, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 230,33ha)**	230,33	25,67	4.200,0	
	Đồ án QHCT Bắc Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh (nay là phường Vĩnh Quang), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 130.96 ha)	1/1000	QĐ số 2545/QĐ-UB ngày 13/11/2001 của UBND tỉnh					
2	**Phường Vĩnh Thanh**				**115,20**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng Tây Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 45.2 ha)	1/1000	QĐ số 1819/QĐ-UBND ngày 06/11/2006 của UBND tỉnh	Nhập 2 đồ án để thành: đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng phường Vĩnh Thanh, tỷ lệ 1/2000, và **lập QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Thanh, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 115,2ha)**	115,20	100,00	3.000,0	
	Đồ án QHCT xây dựng Nam Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 70.0 ha)	1/1000	QĐ số 825/QĐ-UBND ngày 14/5/2007 của UBND tỉnh					

3	**Phường Vĩnh Thanh Vân**				**80,35**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 18.6 ha)	1/500	QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 04/3/2009 của UBND TPRG	**Lập đồ án QH phân khu xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 80,35ha)**	80,35	100,00	1.280,0	
	Đồ án QHCT Khu 16 ha Hoa Biển, phường Vĩnh Thanh Vân, TXRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 16.0 ha)	1/500	QĐ số 2749/QĐ-UB ngày 29/8/1998 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Thanh Vân, tỷ lệ 1/500 (quy mô 80,35ha)**			2.500,0	
4	**Phường Vĩnh Bảo**				**118,29**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Bảo, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 63.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 234/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường Vĩnh Bảo, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 118,29ha)**	118,29	100,00	1.500,0	
5	**Phường Vĩnh Lạc**				**286,75**	**100,00**		
	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Lạc, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 184.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường Vĩnh Lạc, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 286,75ha)**	286,75	100,00	2.400,0	
6	**Phường An Hòa**				**627,80**	**23,79**		
	Đồ án QHPK phường An Hoà (phần còn lại), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 149.323 ha)	1/2000	QĐ số 96/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND tỉnh	**Lập đồ án điều chỉnh QHPK xây dựng phường An Hoà (phần còn lại), tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 149,323ha)**	149,32	23,79	1.900,0	
	Đồ án QHCT xây dựng Trung Tâm phường An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 101.572 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1150/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây**				

	Đồ án QHCT xây dựng Nam An Hoà, phường An Hòa, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 163.7685 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/1000	QĐ số 1737/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 của UBND tỉnh	**dựng Trung tâm phường An Hòa, tỷ lệ 1/500**	333,76		5.500,0	
	Phường An Bình				**477,35**	**100,00**		
7	Đồ án QHCT xây dựng phường An Bình, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 477,35ha)	1/2000	Đã phê duyệt theo QĐ số 2599/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	Lập đồ án điều chỉnh cục bộ QH chi tiết xây dựng phường An Bình, tỷ lệ 1/2000 và **lập QH chi tiết xây dựng đồ án, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 477,35ha)**	477,35	100,00	6.500,0	
	Phường Rạch Sỏi				**341,30**	100,00		
8	Đồ án QHCT xây dựng phường Rạch Sỏi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 341.3ha)	1/2000	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 341,3ha) và **Lập đồ án QH chi tiết xây dựng trung tâm phường Rạch Sỏi, tỷ lệ 1/500**	205,30	60,15	3.160,0	
	Phường Vĩnh Lợi				**355,40**	**89,64**		
9	Đồ án QHCT xây dựng trung tâm phường Vĩnh Lợi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 107.04ha)	1/2000	QĐ số 1397/QĐ-UBND ngày 03/8/2007 của UBND tỉnh	**Nhập 2 đồ án thành: Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng phường Vĩnh Lợi, tỷ lệ 1/2000 (quy mô 211,54ha)** ***{trừ diện tích sân bay}***	107,04	30,12	2.200,0	

	Đồ án QHPK Phía Đông Nam phường Vĩnh Lợi, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 104.5ha)	1/2000	QĐ số 583/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND thành phố	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Lợi, tỷ lệ 1/500 (quy mô 211,54ha) {trừ diện tích sân bay}**	211,54	59,52	4.650,0	
	Phường Vĩnh Hiệp				**1067,84**	**44,76**		
10	Đồ án QH phân khu Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 614.38ha)	1/2000	QĐ số 2897/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh cục bộ QHPK xây dựng Khu đô thị mới phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/2000 và **lập đồ án QH chi tiết xây dựng Khu đô thị mới đông bắc Vĩnh Hiệp (kế cụm công nghiệp Vĩnh Hiệp), phường Vĩnh Hiệp, tỷ lệ 1/500 (quy mô: 70ha)**	70,00	6,56	1.800,0	
	Đồ án QHCT Khu công viên sinh thái phía Đông bắc TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 240.0 ha)	1/2000	Nhiệm vụ QH: QĐ số 1367/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH phân khu xây dựng phường Vĩnh Hiệp (phần còn lại) tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 408,0ha)**	408,00	38,21	2.580,0	
	Phường Vĩnh Thông				**1420,13**	**38,50**		

11	Đồ án QH phân khu Phía Đông Bắc phường Vĩnh Thông, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 546.77 ha)	1/2000	QĐ số 584/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND thành phố	Điều chỉnh cục bộ QH phân khu xây dựng Phía Đông Bắc phường Vĩnh Thông, và **Lập đồ án QH chi tiết xây dựng Trung tâm phường Vĩnh Thông (quy mô 546,77ha), tỷ lệ 1/500**	546,77	38,50	7.000,0	
12	Thiết kế đô thị cho các trục đường chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá						2.000,0	
13	Chương trình phát triển đô thị loại I						2.000,0	
14	Đề án phát triển thành phố Rạch Giá thành đô thị loại I						2.000,0	
	TỔNG CỘNG						**56.170,0**	

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000) VÀ ĐỀ XUẤT LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT (TỶ LỆ 1/500) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ GIAI ĐOẠN 2023 - 2024

(Đề xuất điều chỉnh các đồ án đã đến và quá thời hạn định kỳ 05 năm theo Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, khái toán chi

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 15./9./2021 của UBND thành phố Rạch Giá về Phủ kín quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Rạch Giá giai đoạn 2021-2025

STT	TÊN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH (đã phê duyệt)	Tỷ lệ bản vẽ	Quyết định phê duyệt	Đề xuất rà soát và điều chỉnh	NỘI DUNG ĐỒ ÁN		Khái toán Vốn (triệu đồng)	Ghi chú
					Quy mô (ha)	Đạt tỷ lệ (%)		
	Phường Vĩnh Bảo				**118,29**	**100,00**		
1	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Bảo, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 63.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 234/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Bảo, tỷ lệ 1/500 (quy mô 118,29ha)**	118,29	100,00	3.000,0	
	Phường Vĩnh Lạc				**286,75**	**100,00**		
2	Đồ án QHCT xây dựng phường Vĩnh Lạc, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 184.0 ha; *chưa có khu lấn biển*)	1/2000	QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường Vĩnh Lạc, tỷ lệ 1/500 (quy mô 286,75ha)**	286,75	100,00	4.800,0	
	Phường An Hòa				**627,80**	**23,78**		
3	Đồ án QHPK phường An Hoà (phần còn lại), TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 149.323ha)	1/2000	QĐ số 96/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND tỉnh	**Lập đồ án QH chi tiết xây dựng phường An Hoà (phần còn lại), tỷ lệ 1/500 (quy mô: 149,323ha)**	149,32	23,78	3.500,0	

4	**Phường Vĩnh Thông**				**1420,13**	**75,70**		
	Đồ án QH phân khu Phía Đông Bắc phường Vĩnh Thông, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 546.77 ha)	1/2000	QĐ số 584/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND thành phố	**Lập đồ án điều chỉnh và mở rộng QH phân khu xây dựng Phía Bắc phường Vĩnh Thông, tỷ lệ 1/2000 (quy mô: 1075.0ha)** ***{toàn bộ diện tích phía Bắc p. Vĩnh Thông}***	1075,00	75,70	3.580,0	
	Đồ án QH phân khu Phía Đông Nam phường Vĩnh Thông, TPRG, tỉnh Kiên Giang (quy mô: 311.6 ha)	1/2000		**Đề xuất lập mới**	311,60	208,68	1.970,0	
5	Thiết kế đô thị cho các trục đường chính trên địa bàn thành phố Rạch Giá						1.500,0	
	TỔNG CỘNG						**18.350,0**	